

# Thơ văn Đỗ Huy Nhiệm: Tiếp nhận và đánh giá

Nguyễn Mạnh Hoàng<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** *Đỗ Huy Nhiệm (1915-?) là tác giả xuất hiện sớm trong dòng văn học lãng mạn 1930-1945 và có đóng góp trên cả hai lĩnh vực thơ và văn xuôi. Đương thời, văn chương Đỗ Huy Nhiệm được báo chí đánh giá cao. Tuy vậy, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của ông đến nay còn ít được biết đến. Bài viết thông tin tình hình tiếp nhận, đánh giá và giới thiệu một số nét trong sự nghiệp văn chương của Đỗ Huy Nhiệm. Thơ Huy Đỗ Huy Nhiệm có sự mượt mà, bình dị nhưng giàu cảm xúc, còn các truyện ngắn kỳ ảo của ông hấp dẫn bởi các yếu tố siêu nhiên huyền bí.*

**Từ khóa:** Thơ mới, Văn học lãng mạn, Đỗ Huy Nhiệm, Việt Nam

**Abstract:** *Do Huy Nhiem (1915-?) emerged early in romantic literature in the 1930-1945 period who made a significant contribution to two common forms of poetry and prose which were highly appreciated by the press at that time. However, his life and works have been little known. The paper introduces some features of his works as well as readers' perceptions and evaluations. Do Huy Nhiem's poems are simple and smooth but rich in sentiments; while his fantastic short stories are attractive by their supernatural and mystical elements.*

**Keywords:** New Poetry, Romantic Literature, Do Huy Nhiem, Vietnam

## 1. Mở đầu

Đỗ Huy Nhiệm sinh ngày 16/3/1915, là nhà văn thời tiền chiến, quê gốc ở tỉnh Phú Yên nhưng sinh ra ở tỉnh Nam Định. Trước ông họ Hồ, sau đổi sang họ Đỗ. Ông học tập, làm việc ở Hà Nội và viết văn chương trên nhiều báo chí đương thời. Đỗ Huy Nhiệm là nhà thơ đã xuất hiện từ khá sớm trong phong trào Thơ mới 1932-1945. Đương thời, ông viết văn thơ trên các báo *Phụ nữ thời đàm, Tân thiếu niên, Tiến hóa, Văn học tạp chí, Hà Nội báo, Tiểu*

*thuyết thứ Năm, Trào phúng, Đông thanh, Đông Á, Đông Tây, Tin mới văn chương* và để lại dấu ấn trong làng văn với hai tập thơ *Khúc ly tao, Thiên diễm tuyệt* và tập truyện *Tiền kiếp*. Tuy vậy, sau đó tên tuổi ông ít được nhắc đến và thậm chí bị rơi vào quên lãng. Trong bài viết này, chúng tôi thông tin vấn đề tiếp nhận và đánh giá về thơ văn Đỗ Huy Nhiệm với mong muốn tái hiện diện mạo văn chương của một tác giả đáng chú ý của dòng văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

## 2. Đỗ Huy Nhiệm trong phong trào Thơ mới

Đỗ Huy Nhiệm không phải là một trong những đỉnh cao trong phong trào Thơ mới 1932-1945 như Xuân Diệu, Huy

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: hoangnguyenh261280@gmail.com

Cận, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử,..., nhưng người đương thời “đã khách quan ghi nhận Đỗ Huy Nhiệm như một tiếng thơ sâu lắng, khơi nguồn cảm xúc mới bằng những vần thơ truyền thống, cốt cách ở ý thức cá nhân và dung dị trong câu chữ, trần tục ở đề tài và cao sang trong mộng tưởng hồn yêu” (Nguyễn Hữu Sơn, 2012: 6). Từ khi xuất hiện trên văn đàn, Đỗ Huy Nhiệm đã được các nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu văn học tên tuổi như Phan Khôi, P.T. T, Lê Tràng Kiều, Quỳnh Dao, Kiều Thanh Quế, Vũ Bội Liêu, Hoài Thanh, Hoài Chân,... giới thiệu và bình luận trên báo chí văn nghệ.

Học giả Phan Khôi (1933: 2) trân trọng giới thiệu Đỗ Huy Nhiệm và *Khúc ly tao* trên báo *Tràng An*: “Trước đây khi tôi làm báo ở *Phụ nữ thời đàm*, Đỗ Huy Nhiệm có gửi nhiều thơ đăng vào báo ấy, được độc giả hoan nghinh lắm. Nay ông đem những bài thơ của mình ra in thành tập, ít nhiều bài có đăng ở *Phụ nữ thời đàm* rồi. Tập thơ của ông tên là *Khúc Ly tao*. Để nhắc lại cái tình quen biết trên văn đàn về hai năm trước, mới rồi ông Đỗ có gửi tặng tôi một tập. Tôi xin viết mấy lời đây cảm ơn ông và giới thiệu *Khúc Ly tao* cùng bạn đọc”.

P.T. T (1937: 8) đã đánh giá cao thi tập *Thiên diễm tuyệt* của Đỗ Huy Nhiệm trong bài “Ngoảnh nhìn văn học năm vừa qua” trên báo *Sông Hương*: “Về thơ, năm 1936 đã bày ra một cảnh tượng rời rạc, nếu không là buồn tẻ. Cái không khí bông bột về thơ mới hai năm trên đã qua rồi. Những tên Thế Lữ, Huy Thông, người ta không nhắc đến một cách sốt sắng nữa. Mà giữa Nàng Thơ với các thi sĩ, hình như chữ tình cũng không còn được mặn nồng như mấy năm xưa. Huy Thông thì còn cho ra được một tác phẩm có giá trị là quyển *Tiếng địch sông Ô*, và thỉnh thoảng có thơ đăng trên một vài tờ báo chứ Thế Lữ thì như đã chìm

hắn đi rồi: với tác phẩm *Bên đường Thiên lôi* mà ông vừa cho xuất bản, người ta thấy rõ như ông muốn từ nay đi hẳn về bên tiêu thuyết. Những quyển *Gái quê* của Hàn Mặc Tử, *Thiên diễm tuyệt* của Đỗ Huy Nhiệm ra đời vào cuối năm như đã đem lại cho Nàng Thơ một cái không khí âm áp”.

Sau đó, Lê Tràng Kiều (1939: 30) trong bài “Hoàng hoa” trên *Tiểu thuyết thứ Năm* khi giới thiệu thơ của Bích Khê đã khen ngợi thơ của Quỳnh Dao, Anh Thơ và Đỗ Huy Nhiệm... trong trào lưu Thơ mới đương thời: “Chưa bao giờ, các bạn mến thơ yêu thơ đã được vừa lòng, đã được say sưa như bây giờ, khi giờ những trang thân yêu của tờ báo thân yêu này, nó đã lần lượt trình bày không biết bao nhiêu là tác phẩm giá trị: Những vần *mơ màng* của Quỳnh Dao, những vần *nhẹ nhàng* của Anh Thơ, những vần *trong sáng* của Đỗ Huy Nhiệm. Những vần *diễm áo* của Thanh Tịnh. Những vần *thành thực và giản dị* của Nguyễn Bính, Phạm Quang Hòa, *tha thiết* của Lê Thanh Xuyên. Những vần *dồi dào và huyền diệu* của Xuân Khai. Những vần *đầy mộng ảnh đầy âm nhạc* của Yên Lan. Và những vần đặc biệt của Tchya, của Phạm Huy Thông, của Lưu Trọng Lư... Mới đây, các bạn đã được say sưa, càng đọc càng say sưa hơn”.

Nhà thơ Quỳnh Dao (1939: 5) khi giới thiệu thi tập *Tuổi thơ* của Liêu Kỳ Lộc trên báo *Tiểu thuyết thứ Năm* cũng trân trọng nhắc đến Đỗ Huy Nhiệm cùng nhiều thi nhân nổi tiếng của Thơ mới: “Tôi không dám nói, bên tai người quen nghe tên Hàn Mặc Tử, Xuân Khai, Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, nhưng người ta đã nghe đến Chế Lan Viên, Đông Hồ, Xuân Diệu, Đỗ Huy Nhiệm, Thái Can, Vũ Đình Liên, Lan Sơn, v.v... thì người ta cũng nên nghe thêm tên: Liêu Kỳ Lộc!”.

Kiều Thanh Quế (1941) trong công trình tổng kết *Ba mươi năm văn học* tiếp

tục ghi nhận tác phẩm và vị thế Đỗ Huy Nhiệm cùng nhiều cây bút khác trong làng thơ mới của văn học quốc ngữ trong vòng mười năm: “Đông Hồ, sau những vần *Thơ Đông Hồ* (1932) cũ kỹ, ca ngợi *Cô gái xuân* (1935). Lan Sơn thi vị hóa mối tình giữa *Anh với em* (1934). Phạm Huy Thông, trong *Yêu đương* (1933) cô *Anh Nga* (1934) và cô *Tần Ngọc* (1937), trầm hùng cao đưa *Tiếng địch sông Ô* (1935). Nguyễn Vỹ trong *Tập thơ đầu* (1934) có hơi thơ dài như gió lướt. Đỗ Huy Nhiệm sau *Khúc Ly tao* (1931) dệt *Thiên diễm tuyệt* (1936)”.

Đặc biệt, Hoài Thanh - Hoài Chân (1942: 43) trong bài tổng luận về Thơ mới - *Một thời đại trong thi ca* nhìn nhận thơ Đỗ Huy Nhiệm trong dòng thơ Đường truyền thống: “Hồn thơ Đường vắng đã lâu, nay lại trở về trong thơ Việt. Lần đầu tiên (1934) nó đi theo J. Leiba. Leiba giao lại cho Thái Can. Thái Can giàu, Leiba sang. Ở Thái Can cũng như ở Leiba hồn thơ Đường có cái cốt cách đời thịnh. Với Đỗ Huy Nhiệm, Vân Đài, Lưu Kỳ Linh, Phan Khắc Khoan (trong tập *Xa xa*), Thâm Tâm, hoặc nó kín đáo tinh vi hơn, hoặc nó rần rỏi chắc chắn hơn, nhưng cũng nghèo hơn”.

Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh - Hoài Chân (1942: 281) đã tuyên của ông ba bài thơ *Điêu hiu*, *Hoa tử*, *Say* và bình phẩm:

“Đỗ Huy Nhiệm kể:

*Lắm khi đứng tựa bên cây,  
Thần thờ đôi mắt đắm say nhìn trời.  
Nhưng đến lúc cất lời để gọi,  
Thì nàng như làn khói thoảng tan.  
Mặc tôi đứng sững mơ màng,  
Một mình với một chiếc đàn chùng dây.*

Nàng đây là Nàng Thơ và câu này là một câu tâm sự. Quả Đỗ Huy Nhiệm đã ôm một mối tình lãng mạn đi theo đôi Nàng Thơ luôn trong bảy tám năm trời từ *Khúc Ly tao* đến *Thiên diễm tuyệt*, từ *Phụ nữ thời đàm hồi* ông Phan Khôi chủ trương đến *Tân*

*thiếu niên*, *Tiến hóa*, *Văn học tạp chí* 1935, *Hà Nội báo*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Trào phúng*, *Đông thanh*, *Đông Á*, *Tin mới*... hầu khắp trên các báo chí Bắc Nam. Nàng thơ có lẽ không nữ phụ người có công. Một đôi lần, Nàng đã gặp con người tình cờ trở nên người họ Đỗ và cô ý mạo danh Đỗ Phủ, Thiệu Lăng. Các cuộc gặp gỡ ấy đều ghi lại bằng những vần thơ phảng phất giọng Đường thi với một chút xôn xao mới”.

Sau này, ở miền Nam, Nguyễn Tấn Long (1972) trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (Quyển Trung) dành khá nhiều trang viết bình phẩm thơ Đỗ Huy Nhiệm và tuyển nhiều bài thơ của ông như: *Say*, *Xuân hoài*, *Vạn vật*, *Lõa lồ*, *Đôi ta*, *Kiếp gió mây*, *Tuổi thơ*, *Con én liệng*, *Nhớ*, *Truyện thần tiên*, *Hoa tử*, *Bắt đèn*, *Khóc thâm*. Các bài thơ này đều đăng trên *Tiểu thuyết thứ Bảy* và *Hà Nội báo* từ năm 1936. Đó chính là nguồn tư liệu quan trọng về Đỗ Huy Nhiệm trong khi chúng ta còn biết rất ít biết về quá trình sáng tác văn chương của ông.

Như vậy, qua các tư liệu mà chúng tôi dẫn ở trên, có thể thấy, ngay từ đương thời (trong phong trào Thơ mới) và sau đó ở sách báo văn nghệ miền Nam Việt Nam những năm 1960-1970, Đỗ Huy Nhiệm đã được bạn đọc tiếp nhận và đánh giá như một cây bút tiêu biểu của dòng thi ca lãng mạn. Những lời giới thiệu, bình phẩm về Đỗ Huy Nhiệm của giới văn nghệ đã cho thấy ông là một nhà thơ có phong cách riêng, có những sáng tác gây được sự chú ý của bạn đọc. Tên tuổi Đỗ Huy Nhiệm thực sự đã gắn liền với phong trào Thơ mới - một thời đại hoàng kim của thi ca Việt Nam. Hoạt động văn chương của ông có lẽ đã diễn ra khá sớm - từ những năm đầu của phong trào Thơ mới, và khi phong trào thi ca này nở rộ, phát triển đến đỉnh cao thì ông đã có hai tập thơ là *Khúc ly tao* (1934) và *Thiên diễm tuyệt* (1936).

Tuy được tiếp nhận và đánh giá cao ngay từ đương thời nhưng hiện nay tên tuổi Đỗ Huy Nhiệm rất ít được nhắc đến, thậm chí bị rơi vào quên lãng (có lẽ do thiếu tư liệu). Thơ của ông chỉ được tuyển và giới thiệu ít bài trong các sách: *Tổng tập văn học Việt Nam* tập 25 (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, 2000), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX* (Nguyễn Cừ - Nguyễn Anh Vũ, 2010)... Có lẽ nhiều hơn cả là trong *Tiểu thuyết thứ Năm: tác giả và tác phẩm*, Anh Chi đã thống kê lại số bài thơ được in trên *Tiểu thuyết thứ Năm* (qua một số báo hiện còn lưu giữ được) thì Đỗ Huy Nhiệm có 16 bài thơ đăng rải rác trên các số từ 9 đến 44 (Anh Chi, 2002).

Gần đây có bài viết của Nguyễn Thị Thu Trang (2015) bình luận về Đỗ Huy Nhiệm và bài thơ *Say* độc đáo của ông. Theo tác giả, dù tự lấy bút danh là Đỗ Phủ, Thiếu Lăng nhưng nhà thơ “không khuôn mình vào những câu thơ Đường luật cổ kính. Ông than hoa, khóc bướm và chỉ toàn viết về những mối tình si não nùng, lãng đãng khói sương... Bài thơ *Say* được viết theo thể thơ 7 chữ quen thuộc, gồm 40 câu chia thành 10 khổ. Đề tài say trong thơ khá quen thuộc vì thơ thường đi với rượu với hoa với trăng. Thi sĩ thường uống rượu một phần nhưng cái chính là mượn rượu để làm thơ. Đọc *Say* của Đỗ Huy Nhiệm, ta nhớ tới những bài thơ chung đề tài của Nguyễn Vũ, Vũ Hoàng Chương, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Quang Dũng (...) Thơ Đỗ Huy Nhiệm không đạt đến độ tân kỳ, hiện đại như Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương; không được trau chuốt, sang trọng như thơ Huy Cận; không ghê gớm như Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử. Ông là một nỗi sầu thương trước hoa, trước gió và đặc biệt là trước sự vô tình của con người”.

Nhìn chung, thơ Đỗ Huy Nhiệm đôi khi chỉ là những lời tâm tình nhẹ nhàng với

nỗi buồn man mác (*Buồn vui đều một tiếng đàn/ Vui ca cảnh đẹp, buồn than mộng hồ*). Nhưng có lẽ thơ ông chủ yếu là những dòng hồi ức, những cung bậc, sắc thái của tình yêu. Đó là hồi ức về tuổi thơ trong sáng như *Bỏ trường, Tuổi thơ, Xuân hoài, Âm thầm*; hay diễn tả tình yêu đơn phương cùng nỗi sầu ly biệt như *Đôi ta, Nhớ, Đêm chia biệt, Mưa, Bóng yêu đương*; hoặc đồng cảm với nỗi nhớ mong sầu muộn thiếu nữ khuê phòng trong bài *Kiếp gió mây*. Đặc biệt, cũng như nhiều thi nhân trong phong trào Thơ mới, Đỗ Huy Nhiệm viết rất hay về thân phận và bi kịch tình yêu của người kỹ nữ như bài *Thu hoài (Cúc đã bao lần rơi trước gió/ Trúc vàng bao độ lát đường đi/ Con thuyền đã tắm bao sương nắng/ Tiếng hát ai trong chẳng trở về)*. Thơ mới nói nhiều đến thân phận kỹ nữ, ca kỹ. Kiếp sống buồn thương của họ đã ám ảnh tâm hồn bao thi nhân, khiến không ít người đã dùng chân và cảm hứng về “bến Tầm Dương”: *Nguyệt cầm, Lời kỹ nữ* (Xuân Diệu), *Oan nghiệt* (Nguyễn Bính), *Dâng tình, Đà giang, Nửa đêm ca quán* (Vũ Hoàng Chương), *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế* (Văn Cao), *Giang hồ* (Lưu Trọng Lư), *Bi Xuân Nương* (Phan Văn Dật), *Cảnh đoạn trường* (Thái Can), *Bên sông đưa khách* (Thê Lữ), v.v... Những hình ảnh đêm thu, tiếng đàn, con thuyền, bến nước, mái chèo, trăng vàng, lau già và gió hắt hiu, v.v... trong Thơ mới có lẽ có cảm hứng từ *Tỳ bà hành* (Bạch Cư Dị). Bài *Phóng lãng* của Đỗ Huy Nhiệm có lẽ cũng cùng mạch nguồn cảm xúc ấy khi diễn tả tình yêu và nỗi buồn của người kỹ nữ trên bến vắng Cô Tô (*Đêm đến dưới vòm sao ủa lạnh/ Dưa thuyền chàng thổi khúc hoài nhân/ Năm, năm mỗi độ thu vàng tới/ Đỗ bến Cô Tô khóc một lần*).

Về hình thức nghệ thuật, thơ Đỗ Huy Nhiệm không có sự tân kỳ về ngôn ngữ và bút pháp, nhưng lôi cuốn người đọc ở sự

mượt mà, bình dị, tiêu biểu như bài *Say (Buồn ở đâu theo tôi xuống rồi/ Đã tràn u ám cả hồn tôi/ Đang ngồi say khướt bên ao vắng/ Tha thân nhớ người không nhớ tôi*”; hay bài *Hoa tui (Vườn xuân, nắng mới, hoa đang đẹp/ Em lạnh lùng qua, chẳng đoái hoài/ Em hỡi, vô tri hoa biết tui/ Đâm đĩa châu lệ hạt sương mai)*.

Đúng như Hoài Thanh (1942: 282) nhận định, thơ Đỗ Huy Nhiệm “phảng phất giọng Đường thi với một chút xôn xao mới”. Chẳng hạn như bài *Điêu hiu (Con gió điêu hiu lướt mặt hồ/ Thổi rơi xuống nước chiếc hoa khô/ Giật mình, làn nước cau mày giận/ Tan cả vầng trăng tỏa lững lờ)*, v.v... Hay trong bài *Kiếp gió mây*, nhà thơ cũng mượn từ ngữ, hình ảnh của Thôi Hiệu trong câu thơ: *Lầu xưa Hoàng Hạc mai gầy/ Bao giờ lại thấy dấu giày cỏ nhân?*. Trong bài thơ, hình ảnh “lầu Hoàng Hạc” mang ý nghĩa ước lệ để thi nhân diễn tả nỗi niềm nhung nhớ của một cô gái thơ ngây đa tình.

### 3. Đỗ Huy Nhiệm trong dòng văn xuôi lãng mạn kỳ ảo

Văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX xuất hiện khuynh hướng văn xuôi lãng mạn kỳ ảo với hàng loạt tác giả, tác phẩm tiêu biểu như: Trọng Miên (*Trăng xanh huyền hoặc, Người đẹp Đông phương, Đàn bò câu trắng, Người đàn bà trong trắng, Pho tượng sống*), Lan Khai (*Tiếng gọi của rừng thẳm, Suối đàn*), Nam Cao (*Ma đưa, Chủ Khi - người đánh tổ tôm vô hình*), Phạm Cao Củng (*Người con gái tỉnh Bắc*), Cung Khanh (*Cách ba nghìn năm*), Trần Tiêu (*Ma*), Tchya (*Oan nghiệt, Thần hổ, Ai hát giữa rừng khuya*), Bùi Hiền (*Một trận bão cuối năm, Chiều sương*), Thanh Tịnh (*Làng, Am cu-ly xe, Ngâm ngái tìm trầm*), Nguyễn Tuân (*Loạn âm, Xác ngọc lam, Lửa nén trong tranh, Trên đỉnh non Tản, Chùa Đàn, Tâm sự của nước độc, Một*

*truyện không nên đọc vào lúc giao thừa*),... Đỗ Huy Nhiệm cũng để lại dấu ấn trong dòng văn xuôi đó với *Tiền kiếp* - tập truyện ngắn do Tam Kỳ thư xã Hà Nội xuất bản vào năm 1943 gồm 9 truyện ngắn, phần lớn viết phỏng theo lối truyền kỳ. Sách *Truyện truyền kỳ Việt Nam* sau này tuyển 5 truyện của Đỗ Huy Nhiệm gồm: *Cây đa ba chạc, Một chuyện lạ, Người ngủ với ma, Ấn tết Mường, Ông rấn*. Theo các tác giả sách này, *Tiền kiếp* của Đỗ Huy Nhiệm thực ra gồm những truyện ngắn viết theo lối phỏng truyện kỳ. Có những truyện mô phỏng cốt truyện kinh dị phương Tây khá rõ (Nguyễn Huệ Chi, 2009).

Theo Phạm Ngọc Lan (2004: 338), truyện ngắn Đỗ Huy Nhiệm có bóng dáng những câu chuyện vẫn lưu truyền trong dân gian từng được ghi trong các tập ký ra đời vào thế kỷ XVIII-XIX như *Tang thương ngẫu lục, Sơn cư tạp thuật* (Thuật những chuyện tản mạn lúc sống trong núi), *Thỉnh văn dị lục* (Chép những chuyện lạ nghe được), *Nam thiên trân dị tập* (Tập truyện quý và lạ ở cõi trời Nam),... nhưng cách cảm nhận, cách dẫn truyện và văn chương đã tương đối mới mẻ, giống với những truyện ra đời những năm bốn mươi của thế kỷ XX như: *Thần hổ, Ai hát giữa rừng khuya* của Tchya. Ngoài ra, một số truyện lại mô phỏng cốt truyện kinh dị của phương Tây với những kiến thức về thần linh học, thuật thôi miên, một số hiện tượng siêu hình, những chuyện mộng du mê sảng mà ranh giới giữa hư thực rất mơ hồ (*Một chuyện lạ, Người ngủ với ma*). Nhìn chung, tác giả đã chú ý mô tả cảnh sắc thiên nhiên và phần nào khai thác được tâm lý nhân vật, cách viết vừa tạo được không khí cổ xưa, vừa hiện đại, hành văn cũng tương đối giản dị, ngắn gọn.

Yếu tố kỳ ảo trong *Tiền kiếp* không phải là hiện tượng mới lạ. Nó là một

khuyh hướng văn học có mạch chảy từ trong văn học truyền thống dân tộc và văn hóa phương Đông. Trong văn xuôi trung đại Việt Nam, yếu tố kỳ ảo gắn liền với thể loại văn học truyền kỳ. Đó là những câu chuyện mang đậm yếu tố siêu nhiên huyền bí: hồn ma, thần tiên, điềm báo, hóa kiếp, đạo sĩ làm bùa phép phù chú, nhà sư có phép thần thông... Đỗ Huy Nhiệm đã vận dụng những chất liệu truyền thống của văn học dân tộc kết hợp với yếu tố kinh dị của văn học phương Tây để tạo nên sự độc đáo trong các truyện ngắn kỳ ảo của mình.

Yếu tố kỳ ảo trong tác phẩm của Đỗ Huy Nhiệm gồm các dạng thức: Kỳ ảo ma quỷ, kỳ ảo thần linh, kỳ ảo kỳ bí. Các truyện của Đỗ Huy Nhiệm như *Ông rấn*, *Tiền kiếp*, *Ông lái gỗ* kể về việc báo oán, kiếp trước - kiếp sau; truyện *Cây đa ba chạc* kể về người lái buôn Trung Quốc giàu của và những việc kỳ xảy ra khi mọi người đi tìm chỗ chôn của theo chỉ dẫn của các thứ bùa chú, bản đồ đi tìm kho báu đầy bí hiểm. Các truyện khác như *Ăn tết Mường*, *Hồ ly tinh*, *Đoạn tình sử* lại kể về ma quỷ hiện hình, rồi hồn ma trở về sống chung với người đang sống,... Tất cả đã đem đến cho độc giả những cảm giác kỳ thú bằng lối viết trực giác, linh cảm.

*Tiền kiếp* không chỉ là sự khám phá về cõi bí ẩn tâm linh thần bí, mà còn thể hiện cảm hứng nhân văn. Chẳng hạn, truyện *Ăn tết Mường* không phải để khẳng định niềm tin vào sự linh thiêng của “ma giữ cửa”, cũng càng không phải để đùa cợt, mỉa mai về sự mê muội, ngây thơ của người dân xứ Mường, mà muốn phản ánh cái bản chất hồn nhiên, chân thật của “người ‘đường rừng’” kỳ dị. Dường như Đỗ Huy Nhiệm đã gửi đến bạn đọc một thông điệp mang tính nhân văn: hãy nhìn con người và cuộc sống người dân tộc miền núi bằng cái nhìn trân

trọng, cảm thông, chia sẻ. Còn truyện *Ông rấn* lại mang hình bóng một câu chuyện cổ tích. Mặc dù mang không khí hư ảo, hoang đường, ma quái nhưng *Ông rấn* cũng chứa đựng cả triết lý sâu xa về nhân sinh.

Về hình thức nghệ thuật, Đỗ Huy Nhiệm khá tinh tế trong miêu tả cảnh sắc thiên nhiên và khai thác tâm lý nhân vật. Khi xây dựng cốt truyện, ông có những dụng công trong việc sáng tạo tình huống hư ảo để qua đó nhân vật bộc lộ tính cách, tâm lý. Thường gặp nhất trong *Tiền kiếp* là những tình huống kỳ ảo - tâm linh. Người viết tạo sắc màu linh dị, đan cài các mảng không gian ảo - thực, vật lý - tâm lý gợi hướng những tư tưởng huyền hoặc và bí ẩn... Văn phong Đỗ Huy Nhiệm giản dị, mềm mại, giàu hình ảnh với lối kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn nên vừa tạo được không khí cổ xưa, vừa thể hiện được tính hiện đại của văn chương. Một số truyện trong *Tiền kiếp* còn viết về thần linh học, trình bày hiện tượng siêu hình cho thấy nhà văn có những hiểu biết sâu sắc về huyền học.

Nói chung, các truyện ngắn của Đỗ Huy Nhiệm như *Một chuyện lạ*, *Ngủ với ma*, *Ăn tết Mường*... đã đem đến cho độc giả những cảm giác kỳ thú. Đặc trưng của truyện kỳ ảo là phương thức gây ấn tượng mạnh mẽ, kêu gọi mọi cảm giác, suy tưởng của con người. Theo đó, các truyện ngắn này rất tiêu biểu cho dòng truyện ngắn lãng mạn kỳ ảo trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

#### 4. Kết luận

Thơ văn Đỗ Huy Nhiệm trong giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám 1945 đã được người đọc tiếp nhận và đánh giá. Báo chí văn nghệ đương thời đã chú ý đến những tác phẩm của ông xuất hiện khá sớm trong phong trào Thơ mới. Từ *Thiên diễm tuyệt* đến *Khúc ly tao* và *Tiền kiếp*, Đỗ Huy Nhiệm đã để lại dấu ấn trong trào

lưu văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Tuy vậy, cho đến nay, chúng ta chỉ biết một cách khái lược về ông. Theo Nguyễn Thị Thu Trang (2015: 126), cho tới nay không tìm thấy bài thơ nào của Đỗ Huy Nhiệm viết sau năm 1945, không tìm thấy địa chỉ của nhà thơ và không biết ông còn sống hay đã mất. Trên *Tạp chí Văn học* số tháng 7/2002, nhà thơ Gia Ninh cho biết: “Năm 1992, khi Hà Nội kỷ niệm 60 năm phong trào Thơ Mới, tôi thấy còn 9 nhà Thơ mới dự. Có lẽ tôi đã bỏ sót 2 người: Đỗ Huy Nhiệm và Nguyễn Xuân Huy vì không tìm ra địa chỉ. Tôi nhớ sau ngày giải phóng Thủ đô, có gặp anh Đỗ Huy Nhiệm và anh nói với tôi đã bỏ thơ từ lâu, không cầm bút nữa, sau đó biệt tin luôn...”.

Như vậy, việc tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu thân thế và trước tác của Đỗ Huy Nhiệm vẫn rất cần thiết cho việc nghiên cứu lịch sử dòng văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945 □

#### Tài liệu tham khảo

1. Anh Chi (2002), *Tiểu thuyết thứ Năm: tác giả và tác phẩm*, tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội.
2. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 2009), *Truyện truyền kỳ Việt Nam*, quyển 3 (tập V, VI), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Cừ, Nguyễn Anh Vũ (biên soạn, 2010), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, quyển 4 (tập 6) - *Thơ ca 1925-1945*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Quỳnh Dao (1939), “Tuổi thơ của Liêu Kỳ Lộc”, *Tiểu thuyết thứ Năm*, số 35.
5. Phan Khôi (1935), “Thơ của Đỗ Huy Nhiệm: *Khúc ly tao*”, *Tràng An*, số 19.
6. Lê Tràng Kiều (1939), “Hoàng hoa”, *Tiểu thuyết thứ Năm*, số 30.
7. Phạm Ngọc Lan (2004), “Đỗ Huy Nhiệm”, trong: *Từ điển văn học* (Bộ mới), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Nguyễn Tấn Long (1972), *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (Quyển trung), Nxb. Sống mới, Sài Gòn.
9. Kiều Thanh Quế (1941), *Ba mươi năm văn học*, Nxb. Tân Việt, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Sơn (2012), “Người đương thời Thơ mới bàn về thơ Đỗ Huy Nhiệm”, *Người Hà Nội*, số 32.
11. P.T. T (1937), “Ngoảnh nhìn văn học năm vừa qua”, *Sông Hương*, số 26.
12. Hoài Thanh - Hoài Chân (1942), *Thi nhân Việt Nam*, Nhà in Nguyễn Đức Phiên xuất bản.
13. Nguyễn Thị Thu Trang (2015), “Tưởng nhớ Đỗ Huy Nhiệm”, *Cảm nhận văn chương* (Nghiên cứu - phê bình văn học), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
14. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 25, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.